TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 222/2024/DS-PT
Ngày 24-4-2024
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất
và tranh chấp lối đi chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Vương.

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết;

Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Thoại – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 55/2024/TLPT-DS ngày 20 tháng 02 năm 2024 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và tranh chấp lối đi chung".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2023/DS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 141/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn Đ năm 1968; địa chỉ: tổ A, ấp D, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Đức L năm 1977; địa chỉ: số D, đường E, tổ A, ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Hồ Thị P năm 1969; địa chỉ: tổ A, ấp D, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. Bà Bùi Thị N L1sinh năm 1977; địa chỉ: số D, đường E, tổ A, ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

3. Ông Nguyễn Tự T năm 1941, địa chỉ: ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện cho hộ ông Nguyễn T1 T Ông Nguyễn Văn C năm 1971, địa chỉ: ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Hoài V năm 1986, địa chỉ: ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

5. Ông Bùi Văn K năm 1962, vắng mặt;

6. Bà Vũ Thị M năm 1958, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương

7. Ủy ban nhân dân huyện B, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* bị đơn ông Nguyễn Đức L1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ1 trình bày:*

Ông Đ2 chủ sử dụng hợp pháp phần đất có diện tích 405m^2 thuộc thửa đất số 780, tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Bình Dươngtheo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CH00271 do Ủy ban nhân dân huyện T11(nay là huyện B), tỉnh Bình Dương cấp ngày 21/02/2011 cho ông Nguyễn Văn Đ3 bà Hồ Thị P1 gốc do ông Đ4 chuyển nhượng của ông Bùi Văn K1 2011. Sau khi nhận chuyển nhượng, gia đình ông Đ5 lý, sử dụng ổn định lâu dài không tranh chấp với ai, thửa đất có tứ cận: hướng Bắc: giáp thửa đất số 65; hướng Nam: giáp đường đất; hướng Tây: giáp thửa đất số 109; hướng Đông: giáp thửa đất số 110.

Ngày 06/5/2022, ông Đ6 hệ Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B yêu cầu đo đạc, chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 11/5/2022, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B tiến hành đo đạc, kiểm tra, xác định ranh giới sử dụng đất. Quá trình xác định ranh giới thì ông Nguyễn Đức L1(chủ sử dụng thửa đất số 109, tờ bản đồ số 30) liền kề không thống nhất ranh giới với thực tế sử dụng đất của ông ĐÔng L2 cầu ông Đ7 chừa ra lối đi 03m, chiều dài khoảng 30m (cạnh hướng Tây phần đất của ông Đ8 làm lối đi chung cho các hộ dân có đất ở phía sau. Do không thống nhất được ranh giới đất nên cán bộ đo đạc không thể tiếp tục đo đạc. Ngày 18/5/2022, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B số 2631/CNVPĐKĐĐ-KT thông báo kết quả đo đạc, trả hồ sơ đo đạc cho ông ĐNgày 08/6/2022, ông Đ9 đơn phản ánh vụ việc đến Ủy ban nhân dân huyện B 04/7/2022, ông nhận được Công văn số 3883/CNVPĐKĐĐ-KT của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B; theo đó, Chi nhánh Văn phòng Đ32 trả lời việc ông Nguyễn Đức L1(chủ sử dụng đất liền kề) không thống nhất ranh giới do ông Đ10 định thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân xã L đề nghị ông Đ6 hệ Ủy ban nhân dân xã L xem xét giải quyết. Ông Đ11 làm đơn yêu cầu hòa giải tranh chấp quyền sử dụng đất gửi đến Ủy ban nhân dân xã LNgày 05/7/2022, Ủy ban nhân dân xã L tổ chức hòa giải tranh chấp giữa ông Đ12 ông Nguyễn Đức L3 buổi hòa giải, cán bộ địa chính xã Lxác định: xem xét hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cả hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đ3 ông L4 liền ranh nhau, không thể hiện tiếp giáp với tuyến đường nào. Ngoài ra, tại bản đồ địa chính của xã L không thể hiện đường đi giữa 02 thửa đất của ông Đ3 ông LMặc dù, được Ủy ban nhân dân xã giải thích nhưng ông L5 khẳng định có lối đi nên đã không thống nhất hòa giải và yêu cầu khôi phục lại hiện trạng con đường. Do vậy, Ủy ban nhân dân xã L biên bản hòa giải không thành.

Tại phiên tòa, ông Đ13 đổi yêu cầu khởi kiện, ông Đ14 cầu Tòa án giải quyết xác định phần đất tranh chấp có diện tích 87,9m^2 (82,6m^2 + 5,3m^2) thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của ông Đ. Đồng thời, yêu cầu ông L6 lại cho ông Đ15 tích đất 87,9m^2 thuộc một phần thửa đất số 780, tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương

- Bị đơn ông Nguyễn Đức L7 bày:

Bị đơn không đồng ý toàn bộ phần trình bày của ông Nguyễn Văn Đông Đ16 bày không đúng sự thật. Ông L4 chủ sử dụng hợp pháp của thửa đất số 109, tờ bản đồ số 30 liền kề phần đất ông Đ17 tranh chấp. Ông Đ14 cầu cơ quan chức năng tiến hành đo đạc lại đất của ông Đ3 yêu cầu ông L8 giáp ranh. Tuy nhiên ông Đ18 chỉ ranh đất ông Đ19 gồm cả phần đất là con đường đi chung có diện tích 87,9m^2 thuộc một phần thửa đất số 780, tờ bản đồ số 30 mà hiện tại các hộ dân sinh sống gần đó đang đi để ra đường lớn nên ông L9 ký giáp ranh. Về quá trình sử dụng đất: hơn 20 năm nay, ông L10 chuyển nhượng đất trước khi ông Đ4 chuyển nhượng đất của ông K2 về đây sinh sống ổn định và không tranh chấp với ai. Đối với phần đất có diện tích 87,8m^2 thuộc một phần thửa đất số 780, tờ bản đồ số 30 mà ông Đ17 tranh chấp là lối đi chung, con đường này đã có hơn 20 năm nay. Ông Nguyễn Tự Tông Nguyễn Hoài V1 người có đất phía sau thửa đất số 780 có sử dụng con đường này đi lại, có nhiều người dân địa phương sống ở khu vực chứng kiến và biết sự việc trên. Bị đơn không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, bị đơn có yêu cầu phản tố và thay đổi yêu cầu phản tố là yêu cầu Tòa án buộc ông Đ7 trả lại phần diện tích 87,9m^2 (82,6m^2 + 5,3m^2) thuộc một phần thửa đất số 780, tờ bản đồ số 30 mà ông Đ17 tranh chấp là lối đi chung để nhân dân phía sau thửa đất số 780 có đường đi lại.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị P2 bày:

Bà P3 vợ của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ20 Pthống nhất phần trình bày của ông Đ21 nội dung vụ án và yêu cầu khởi kiện của ông Đ

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị N L1 trình bày:

Bà L11 là vợ của ông Nguyễn Đức L1, bà thống nhất phần trình bày của ông L về nội dung vụ án và yêu cầu phản tố của ông L.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C1 và ông Nguyễn Hoài V2 thống nhất trình bày:

Thống nhất lời trình bày của bị đơn ông Nguyễn Đức L12 Nguyễn Văn Đ22 chừa lại lối đi chung như bị đơn yêu cầu.

Tại Bản án sơ thẩm số 43/2023/DS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu xác định diện tích đất 87,9m^2 (82,6m^2 + 5,3m^2) nằm trong một phần thửa đất số 780, tờ bản đồ 30 tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp ông Nguyễn Văn Đ1

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ23 việc buộc ông Nguyễn Đức L13 lại diện tích đất 87,9m^2 (82,6m^2 + 5,3m^2) nằm trong một phần thửa đất số 780, tờ bản đồ 30 tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Bình Dươngcho ông Nguyễn Văn

Đ1(có sơ đồ kèm theo).

Ông Nguyễn Văn Đ24 nghĩa vụ liên hệ cơ quan thẩm quyền để chỉnh lý, điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CH00271 do Ủy ban nhân dân huyện T11(nay là huyện B), tỉnh Bình Dương cấp ngày 21/02/2011 cấp cho ông Nguyễn Văn Đ3 bà Hồ Thị P4

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Đức L14 việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ25 trả lại lối đi chung có diện tích 87,9m^2 (82,6m^2 + 5,3m^2) thuộc một phần thửa đất số 780, tờ bản đồ 30 tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 22/11/2023, bị đơn ông Nguyễn Đức L15 đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Đức L16 giữ yêu cầu kháng cáo; nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ26 giữ yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đ3 bị đơn ông L17 nhất nguồn gốc đất của hai ông nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn C2 ông Bùi Văn K3 ông C2 ông K4 vẫn còn sinh sống tại đây. Đồng thời, trên phần đất tranh chấp còn có đồng hồ nước, đường ống cấp thoát nước,… để cấp nước cho các hộ dân phía trong là hộ gia đình ông Nguyễn Văn C3 Nguyễn Tự TKhi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn và bị đơn đều có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã L, Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa thiếu người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng, là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông L hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đức L1 làm trong thời hạn, có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Theo đơn khởi kiện, ông Nguyễn Văn Đ27 kiện có 02 yêu cầu: thứ nhất, ông Đ14 cầu công nhận diện tích đất theo kết quả đo đạc thực tế là 90,9m^2 thuộc một phần thửa đất số 780, tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương là thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Đ28 hai, yêu cầu xác định ranh đất theo hiện trạng sử dụng thực tế giữa thửa đất số 780, tờ bản đồ số 30 của ông Đ3 thửa đất số 109, tờ bản đồ số 30 của ông L18 L1là sát mép tường nhà tại cạnh hướng Đông do ông L19 dựng.

Bị đơn cho rằng diện tích 87,9m^2 mà nguyên đơn yêu cầu công nhận là lối đi chung nên có yêu cầu phản tố yêu cầu ông Đ29 lại diện tích nêu trên.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu công nhận diện tích đất theo kết quả đo đạc thực tế là 87,9m^2 thuộc một phần thửa đất số 780, tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương là thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Đ3 yêu cầu ông L13 lại diện tích đất nêu trên. Như vậy, nguyên đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu thứ nhất, đối với yêu cầu thứ hai không thể hiện việc nguyên đơn có rút yêu cầu khởi kiện nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại không xem xét là giải quyết thiếu yêu cầu khởi kiện của đương sự.

[4] Căn cứ vào kết quả đo đạc tại Mảnh trích lục địa chính có đo đạc, chỉnh lý số 191 - 2023 ngày 20/6/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B:

[4.1] Phần diện tích tranh chấp theo yêu cầu khởi kiện của ông Đ3 yêu cầu phản tố của ông L15 diện tích 92,7m^2, trong đó bao gồm diện tích 82,6m^2 + 5,3m^2 thuộc thửa đất số 780 của ông Đ; diện tích 3,2m^2 trên bản đồ địa chính là đường đất; diện tích 1,6m^2 thuộc thửa đất số 109 của ông L

[4.2] Phần diện tích thửa đất số 780 do ông Đ30 ranh được đối chiếu với bản đồ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (chưa tính phần tranh chấp) là 483,1m^2, trong đó bao gồm diện tích 302,7m^2 thuộc thửa đất số 780 của ông Đ; diện tích 7,2m^2 + 0,7m^2 thuộc thửa đất số 111 của ông Nguyễn Hoài V2; diện tích 166,7m^2 thuộc thửa đất số 65 của ông Nguyễn Tự T2 diện tích 5,8m^2 trên bản đồ địa chính thể hiện là đường đất.

[4.3] Phần diện tích thửa đất số 109 do ông L20 ranh được đối chiếu với bản đồ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (chưa tính phần tranh chấp) là 278,5m^2, trong đó bao gồm diện tích 191,4m^2 thuộc thửa đất số 109 của ông L; diện tích 5,2m^2 thuộc thửa đất số 780 của ông Đ; diện tích 74,6m^2 + 3,8m^2 thuộc thửa đất số 65, số 66 của ông Nguyễn Tự T2 diện tích 3,5m^2 trên bản đồ địa chính thể hiện là đường đất.

[4.4] Như vậy, căn cứ vào kết quả đo đạc trên, việc giải quyết vụ án có liên quan đến ông Nguyễn Tự T3 Nguyễn Hoài V2 và Ủy ban nhân dân xã L24, huyện B, tỉnh Bình Dương (quản lý phần đường đất địa chính).

[5] Ngày 26/10/2023, Tòa án cấp sơ thẩm có thông báo đưa ông Nguyễn Tự Tông Nguyễn Hoài V3 Bùi Văn K5(người chuyển nhượng đất cho ông Đ31 ban N1, tỉnh Bình Dương vào tham gia tố tụng. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đưa thiếu Ủy ban nhân dân xã L24, huyện B, tỉnh Bình Dương vào tham gia tố tụng để làm rõ diện tích đường đất trong phần diện tích mà nguyên đơn cũng như bị đơn xác định thuộc quyền quản lý, sử dụng của mình.

[6] Tòa án cấp sơ thẩm đưa ông Tông K6 VỦy ban N1, tỉnh Bình Dương vào tham gia tố tụng nhưng không tống đạt thông báo trên cho đương sự. Tòa án cấp sơ thẩm ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tiến hành mở phiên họp và hòa giải cùng ngày 26/10/2023. Đồng thời, hồ sơ thể hiện ngày 25/10/2023 (trước ngày hòa giải) Tòa án cấp sơ thẩm đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử. Theo thông báo cũng như biên bản xác định ông Nguyễn Văn C4 người đại diện cho hộ ông T4 nhiên hồ sơ không có văn bản ủy quyền của ông T5 ông CNhư vậy, Tòa án cấp sơ thẩm có thông báo đưa các đương sự vào tham gia tố tụng nhưng không thực hiệc việc tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự và giành thời hạn cho đương sự thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình và tiến hành hòa giải sau ngày có

quyết định xét xử là là đã vi phạm quy định tại các Điều 70, 73, 85, 170, 171, 209 và Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự làm ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của đương sự vì trong vụ án này, theo kết quả đo đạc phần quyền sử dụng đất của ông T6 như xác định mốc giới của ông Đ3 ông L21 có phần diện tích đang quản lý thuộc thửa đất số 65, số 66 của ông T7 không có ý kiến của ông T8 với diện tích đất trên và ranh giới đất của ông T8 với đất của ông Đông L22 xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của ông T9 thời, Tòa án cấp sơ thẩm cũng không thu thập hồ sơ cấp đất của ông Tông V4 xem xét quyền sử dụng đất của ông Tông V1 cấp cho cá nhân ông Tông V5 hộ gia đình ông Tông V4 đưa đầy đủ người vào tham gia tố tụng. Mặt khác, ông C5 rằng ông C4 người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông T10 giấy tay và thực tế đang quản lý, sử dụng đất nên ông C6 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông C7 tham gia tố tụng là thiết sót. Mặt khác, diện tích đất đang tranh chấp 87,9m^2 (82,6m^2 + 5,3m^2) Tòa án cấp sơ thẩm xác định quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Đ1 nhưng không giải quyết tài sản của bị đơn ông Nguyễn Đức L1 có trên đất như đồng hồ điện, đường ống thoát nước,… dẫn đến không đảm bảo hai cấp xét xử, gây khó khăn cho công tác thi hành bản án.

[7] Từ những phân tích trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng nên Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm. Do vậy, kháng cáo của bị đơn ông L là có căn cứ chấp nhận một phần.

[8] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là phù hợp.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, khoản 3 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Đức L1.

2. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2023/DS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn Đức L23 phải chịu. Hoàn trả cho ông Nguyễn Đức L1 số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003987 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS huyện B;
- TAND huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Hoàng Vương